

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**FAC AUDITING CO., LTD**

*Website : [www.kiemtoan.net.vn](http://www.kiemtoan.net.vn)*



## **MỤC LỤC**

	<u><b>Trang</b></u>
<b>1. MỤC LỤC</b>	<b>1</b>
<b>2. THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>2</b>
<b>3. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>3</b>
<b>4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>4 - 5</b>
<b>5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>5.1 Bảng cân đối kế toán</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>
<b>5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>11 - 12</b>
<b>5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính</b>	<b>13 - 24</b>
<b>6. Phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán (Chi tiết theo từng bộ phận)</b>	<b>25 - 26</b>
<b>7. Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Chi tiết theo từng bộ phận)</b>	<b>27</b>

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

68 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### THÔNG TIN CHUNG

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200266808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 09 tháng 9 năm 2010 với vốn điều lệ là 163.685.676.008 VND.

Ngày 15 tháng 10 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200266808 thay đổi lần thứ 3, chuẩn y cho việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và tăng vốn điều lệ lên thành 250.971.390.000 VND.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200266808 thay đổi lần thứ 4, chuẩn y cho việc giảm vốn điều lệ xuống còn 40.000.000.000 VND.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200266808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 7 năm 2020 với vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 68 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại : (0258) 3 816 269

Fax : (0258) 3 827 296

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Điều hành tua du lịch; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường bộ; Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;...

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Hùng	Chủ tịch
Ông Cao Văn Nhiên	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên

##### Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên
Ông Hà Phước Tuấn	Thành viên

##### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Cao Văn Nhiên	Giám đốc
Bà Lê Thị Lan	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Cao Văn Nhiên - Giám đốc.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Cao Văn Nhiên**

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022



Số: 005/2022/BCTC-FACNT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2021, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An, Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa và Công ty Cổ phần Phát triển Khu Du lịch Lăng Cô đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán với số tiền lần lượt là 16.555.121.483 VND, 4.800.000.000 VND và 1.300.000.000 VND (xem thuyết minh V.2b). Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Chúng tôi không nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các công ty này, nên Chúng tôi không thể xác định được Công ty có phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty này hay không. Do đó, Chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các yếu tố liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2022  
KIỂM TOÁN  
NH  
NG  
HÀNH







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17.383.967.410</b>	<b>17.376.527.255</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V. 1	<b>849.277.007</b>	<b>2.923.227.013</b>
1. Tiền	111		349.277.007	2.023.227.013
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.300.000.000</b>	<b>13.900.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2.a	15.300.000.000	13.900.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.056.017.690</b>	<b>372.069.623</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	42.526.525	50.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 4.a	1.013.491.165	1.170.306.343
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 5	-	(848.236.720)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>178.672.713</b>	<b>181.230.619</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.217.880	7.811.143
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.564.436	63.529.079
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 8	109.890.397	109.890.397
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

68 Yersin, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.162.376.329</b>	<b>23.163.121.465</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>501.000.000</b>	<b>501.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 4.b	501.000.000	501.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>6.999.982</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 6	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		1.967.727.272	1.967.727.272
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.967.727.272)	(1.967.727.272)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 7	-	6.999.982
<i>Nguyên giá</i>	228		141.200.000	141.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(141.200.000)	(134.200.018)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>22.655.121.483</b>	<b>22.655.121.483</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V. 2.b	16.555.121.483	16.555.121.483
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2.b	6.100.000.000	6.100.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.254.846</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.254.846	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40.546.343.739</b>	<b>40.539.648.720</b>



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>355.363.220</b>	<b>375.764.409</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.363.220</b>	<b>375.764.409</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		243.182	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 8	4.419.550	4.943.311
4. Phải trả người lao động	314		-	139.483.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 9	245.830.513	117.533.123
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 10	45.000.000	9.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 11	59.869.975	104.804.975
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

68 Yersin, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.190.980.519</b>	<b>40.163.884.311</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>40.190.980.519</b>	<b>40.163.884.311</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 12	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 12	190.980.519	163.884.311
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		163.884.311	2.458.878
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.096.208	161.425.433
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40.546.343.739</b>	<b>40.539.648.720</b>

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022



Lê Thị Lan  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



Cao Văn Nhiên  
Giám đốc



Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	260.141.889	277.272.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		260.141.889	277.272.726
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	1.385.047	115.445.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		258.756.842	161.827.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	1.207.425.763	2.209.685.948
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 4	42.285.894	99.215.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 5	1.381.617.503	2.088.003.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.279.208	184.294.846
11. Thu nhập khác	31		-	24.200.000
12. Chi phí khác	32		18.000	10.170.937
13. Lợi nhuận khác	40		(18.000)	14.029.063
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.261.208	198.323.909
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 6	-	13.631.476
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.261.208	184.692.433
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 7	7	40

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Lê Thị Lan  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



Cao Văn Nhiên  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>42.261.208</b>	<b>198.323.909</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 7	6.999.982	14.000.004
- Các khoản dự phòng	03		(848.236.720)	(933.331.165)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI. 3	(1.207.425.763)	(2.209.685.948)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(2.006.401.293)</b>	<b>(2.930.693.200)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		567.880.488	813.540.692
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.533.811	80.346.601
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11.661.583)	20.962.268
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(13.631.476)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V. 11	(60.100.000)	(213.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.485.748.577)</b>	<b>(2.243.375.115)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.400.000.000)	(13.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.000.000.000	14.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		811.798.571	2.249.883.031
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(588.201.429)</b>	<b>2.749.883.031</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2021	2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(788.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(788.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.073.950.006)</b>	<b>(281.492.084)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V. 1</b>	<b>2.923.227.013</b>	<b>3.204.719.097</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V. 1</b>	<b>849.277.007</b>	<b>2.923.227.013</b>

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022



**Lê Thị Lan**  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



**Cao Văn Nhiên**  
Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa ("Công ty") là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Điều hành tua du lịch; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường bộ; Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;...

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

**5. Sự kiện ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty**

Kể từ cuối năm 2019 cho đến nay, sự lây lan của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) đã tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, làm cho doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty các năm gần đây giảm nhiều so với các năm trước khi có dịch.

Đến thời điểm hiện tại, tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, nên hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trong thời gian tiếp theo, tùy thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh. Ban Giám đốc sẽ tiếp tục theo dõi tình hình dịch bệnh để có các hành động phù hợp và kịp thời nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

**6. Cấu trúc Công ty**

**Công ty liên doanh, liên kết**

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An. Thông tin về công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh V.2.b.

**Đơn vị trực thuộc**

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Trung tâm Du lịch Tictours - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa, địa chỉ tại số 68 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**8. Nhân viên**

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 8 người (tại ngày 31/12/2020 là 9 người).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").



**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản đầu tư*****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Cổ tức hoặc lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức hoặc lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đầu tư. Cổ tức hoặc lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức hoặc lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



***Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn***

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải là từ 06 - 08 năm.

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phần mềm máy tính là 05 năm.

**7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



**8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**9. Vốn chủ sở hữu**

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

**10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi và cổ tức được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

**11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.



Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt tại quỹ	107.172.809	2.711.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	242.104.198	2.020.515.819
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	<u>500.000.000</u>	<u>900.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>849.277.007</u></b>	<b><u>2.923.227.013</u></b>



2. Các khoản đầu tư tài chính

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (lãi suất từ 5,2% - 7,5%/năm)	15.300.000.000	15.300.000.000	13.900.000.000	13.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>	<b>13.900.000.000</b>	<b>13.900.000.000</b>

2.b Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>16.555.121.483</b>	-	<b>16.555.121.483</b>	-
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An (a)	16.555.121.483	-	16.555.121.483	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>6.100.000.000</b>	-	<b>6.100.000.000</b>	-
Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa (b)	4.800.000.000	-	4.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Du lịch Lăng Cô (c)	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.655.121.483</b>	-	<b>22.655.121.483</b>	-

(a) Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200571417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 30/08/2010. Ngày 11/10/2010, công ty này được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4200571417, chuẩn y cho việc thay đổi trụ sở chính và ngành nghề kinh doanh. Trụ sở chính của công ty này đặt tại đường Lê Lai, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty đăng ký góp vốn vào công ty này với số tiền là 22.500.000.000 VND tương ứng 2.250.000 cổ phiếu, tương đương 25,00% vốn điều lệ. Giá trị đầu tư được xác định lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp là 16.555.121.483 VND. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

(b) Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201781946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 14/03/2018. Công ty đăng ký góp vốn vào công ty này với số tiền là 4.800.000.000 VND tương đương 15,00% vốn điều lệ. Giá trị đầu tư được xác định gồm tài sản cố định là giá trị đánh giá lại tòa nhà văn phòng Công ty tại địa chỉ 68 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị là 3.164.000.000 VND và tiền là 1.636.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ

Công ty này được thành lập để thực hiện dự án Tòa nhà Văn phòng 68 Yersin - Nha Trang, dự án được thực hiện trên phần đất do Công ty thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê hàng năm. Theo yêu cầu của đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, Công ty và đối tác phải xác định bổ sung giá trị lợi thế thương mại của khu đất 68 Yersin - Nha Trang - Khánh Hòa. Do đó, giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa còn có thể thay đổi. Đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty và đối tác góp vốn chưa có thỏa thuận bổ sung.

Mặt khác, đến thời điểm ngày 31/12/2021, do Công ty không được chuyển quyền sử dụng đất thuê sang pháp nhân mới nên dự án chưa thể triển khai. Vì vậy, khả năng dự án có thể được thực hiện là không chắc chắn. Báo cáo tài chính của Công ty chưa dự phòng các rủi ro liên quan đến vấn đề này.

(c) Công ty đăng ký góp vốn vào công ty này với số tiền là 36.000.000.000 VND tương đương 10,00% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã góp vào công ty này 1.300.000.000 VND.



**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của công ty liên kết**

Công ty liên kết hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	-	50.000.000
Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa	42.526.525	-
<b>Cộng</b>	<b><u>42.526.525</u></b>	<b><u>50.000.000</u></b>

**4. Phải thu khác**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
<b>4.a Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.013.491.165</b>	<b>1.170.306.343</b>
Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa	361.145.700	65.902.500
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	298.586.576	152.167.123
Công ty Cổ phần Thuận An	249.207.739	848.236.720
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Các khoản khác	4.551.150	4.000.000
<b>4.b Phải thu dài hạn khác</b>	<b>501.000.000</b>	<b>501.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	501.000.000	501.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.514.491.165</u></b>	<b><u>1.671.306.343</u></b>

**5. Nợ xấu**

Nợ xấu của Công ty là khoản phải thu khác đã quá hạn thu hồi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu khác là giá trị còn lại sau khi đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thuận An	-	-	848.236.720	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>848.236.720</u></b>	<b>-</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là phương tiện vận tải có tổng nguyên giá là 1.967.727.272 VND, đã khấu hao hết và vẫn còn sử dụng.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là phần mềm máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
<b>Tại 01/01/2021</b>	141.200.000	134.200.018	6.999.982
Trích khấu hao	-	6.999.982	(6.999.982)
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b><u>141.200.000</u></b>	<b><u>141.200.000</u></b>	<b>-</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2021		Phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu (*)	Phải nộp (*)	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (*)	Phải nộp (*)
Thuế giá trị gia tăng	-	1.009.011	-	1.009.011	-	-
Thuế TNDN	109.890.397	-	-	-	109.890.397	-
Thuế TNCN	-	3.934.300	18.627.850	18.142.600	-	4.419.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	295.903.200	295.903.200	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>109.890.397</b>	<b>4.943.311</b>	<b>318.531.050</b>	<b>319.054.811</b>	<b>109.890.397</b>	<b>4.419.550</b>

(\*) Phải thu (thuế nộp thừa) được trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

Phải trả (thuế phải nộp) được trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Xem thuyết minh IV.13 và thuyết minh VI.6.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho phần đất tại địa chỉ 68 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với số tiền 295.243.200 đồng/năm sau khi được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp năm 2021 theo Quyết định số 2380/QĐ-CTKH ngày 05/11/2021 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa.

Tiền thuê đất sẽ được thanh toán lại bởi Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa.

**Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

**9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí kinh doanh	245.830.513	117.533.123
<b>Cộng</b>	<b>245.830.513</b>	<b>117.533.123</b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị	45.000.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000</b>	<b>9.000.000</b>

**11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Tại 01/01/2021	47.193.001	33.741.127	23.870.847	104.804.975
Trích từ lợi nhuận	4.549.200	10.615.800	-	15.165.000
Chi sử dụng quỹ	(31.000.000)	(29.100.000)	-	(60.100.000)
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>20.742.201</b>	<b>15.256.927</b>	<b>23.870.847</b>	<b>59.869.975</b>



12. Vốn chủ sở hữu

12.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2020	40.000.000.000	790.458.878	40.790.458.878
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	184.692.433	184.692.433
Chia cổ tức năm 2019	-	(788.000.000)	(788.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(23.267.000)	(23.267.000)
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>163.884.311</b>	<b>40.163.884.311</b>
Tại 01/01/2021	40.000.000.000	163.884.311	40.163.884.311
Lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	42.261.208	42.261.208
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(15.165.000)	(15.165.000)
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>190.980.519</b>	<b>40.190.980.519</b>

12.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông</b>				
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	39.900.800.000	99,75	39.900.800.000	99,75
Các cổ đông khác	99.200.000	0,25	99.200.000	0,25
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

12.c Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND.

12.d Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	23.267.000	23.267.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.267.000</b>	<b>23.267.000</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1.a Tổng doanh thu**

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng doanh thu	260.141.889	277.272.726
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>260.141.889</b>	<b>277.272.726</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần dịch vụ lữ hành	1.869.159	122.727.273
Doanh thu thuần cho thuê văn phòng	167.363.639	109.090.908
Doanh thu thuần về phí thương hiệu	90.909.091	45.454.545

**1.b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	90.909.091	45.454.545
<b>Cộng</b>	<b>90.909.091</b>	<b>45.454.545</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn dịch vụ lữ hành	1.385.047	115.445.447
<b>Cộng</b>	<b>1.385.047</b>	<b>115.445.447</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	917.491.382	1.084.685.948
Lãi chậm thanh toán	289.934.381	-
Cổ tức được chia	-	1.125.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.207.425.763</b>	<b>2.209.685.948</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên	39.945.894	87.444.477
Các chi phí khác	2.340.000	11.770.807
<b>Cộng</b>	<b>42.285.894</b>	<b>99.215.284</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	1.524.731.143	1.638.344.243
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	26.892.963	12.964.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.999.982	14.000.004
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(848.236.720)	(933.331.165)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.698.240	348.966.190
Các chi phí khác	488.531.895	1.007.058.921
<b>Cộng</b>	<b>1.381.617.503</b>	<b>2.088.003.097</b>



**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021	Năm 2020
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>42.261.208</b>	<b>198.323.909</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	36.018.000	46.170.937
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>78.279.208</b>	<b>244.494.846</b>
Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	-	(1.125.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	(78.279.208)	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>(880.505.154)</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	13.631.476
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>13.631.476</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.261.208	184.692.433
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.165.000)	(23.267.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.096.208	161.425.433
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7</b>	<b>40</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

**Bên liên quan khác**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước  
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An  
Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<b>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</b>		
Cổ tức được chia	-	786.045.760
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An</b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.000.000	50.000.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.000.000	-
Cổ tức được nhận	-	1.125.000.000

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn, sở hữu 99,75% vốn điều lệ  
Công ty liên kết

Công ty sở hữu 15% vốn điều lệ, và có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên gia đình của người quản lý chủ chốt

Mẫu B 09-DN

<b>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa</b>		
Tiền thuê đất chi hộ	295.243.200	65.902.500
<b>Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
Tiền lương, thưởng và phụ cấp theo quy chế của Công ty.		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
<b>Bên liên quan/Công nợ</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An</b>		
Phải thu tiền phí bản quyền thương hiệu (thuyết minh V.3)	-	50.000.000
<b>Công ty TNHH Anh Minh Khánh Hòa</b>		
Phải thu lại tiền thuê đất chi hộ (thuyết minh V.4.a)	361.145.700	65.902.500

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngoài sự kiện về dịch Covid-19 được trình bày tại Thuyết minh I.5, Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022



**Lê Thị Lan**  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



**Cao Văn Nhiên**  
Giám đốc



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

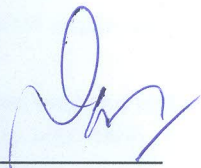
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Chi tiết theo từng bộ phận)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Văn phòng Công ty	Trung tâm du lịch Tictours	Loại trừ số dư nội bộ	Cộng
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>17.009.895.814</b>	<b>532.740.022</b>	<b>(158.668.426)</b>	<b>17.383.967.410</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>726.580.412</b>	<b>122.696.595</b>	-	<b>849.277.007</b>
1. Tiền	111	326.580.412	22.696.595	-	349.277.007
2. Các khoản tương đương tiền	112	400.000.000	100.000.000	-	500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	-	<b>15.300.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14.900.000.000	400.000.000	-	15.300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>1.209.677.897</b>	<b>5.008.219</b>	<b>(158.668.426)</b>	<b>1.056.017.690</b>
1. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	158.668.426	-	(158.668.426)	-
2. Các khoản phải thu khác	136	1.008.482.946	5.008.219	-	1.013.491.165
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	-	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	-	-	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>173.637.505</b>	<b>5.035.208</b>	-	<b>178.672.713</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.563.336	3.654.544	-	13.217.880
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	54.183.772	1.380.664	-	55.564.436
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	109.890.397	-	-	109.890.397
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>23.531.439.706</b>	<b>3.522.726</b>	<b>(372.586.103)</b>	<b>23.162.376.329</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>873.586.103</b>	-	<b>(372.586.103)</b>	<b>501.000.000</b>
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	372.586.103	-	(372.586.103)	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	501.000.000	-	-	501.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	-	-	-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	-	-	-	-
Nguyên giá	222	1.967.727.272	-	-	1.967.727.272
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.967.727.272)	-	-	(1.967.727.272)
2. Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-	-
Nguyên giá	228	141.200.000	-	-	141.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(141.200.000)	-	-	(141.200.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	-	-	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	-	-	-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>22.655.121.483</b>	-	-	<b>22.655.121.483</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16.555.121.483	-	-	16.555.121.483
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.100.000.000	-	-	6.100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>2.732.120</b>	<b>3.522.726</b>	-	<b>6.254.846</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>40.541.335.520</b>	<b>536.262.748</b>	<b>(531.254.529)</b>	<b>40.546.343.739</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Văn phòng Công ty	Trung tâm du lịch Tictours	Loại trừ số dư nội bộ	Cộng
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>355.363.220</b>	<b>531.254.529</b>	<b>(531.254.529)</b>	<b>355.363.220</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>355.363.220</b>	<b>531.254.529</b>	<b>(531.254.529)</b>	<b>355.363.220</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.419.550	-	-	4.419.550
2. Phải trả người lao động	314	-	-	-	-
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	245.830.513	-	-	245.830.513
4. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	531.254.529	(531.254.529)	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	45.000.000	-	-	45.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	59.869.975	-	-	59.869.975
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>40.185.972.300</b>	<b>5.008.219</b>	<b>-</b>	<b>40.190.980.519</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>40.185.972.300</b>	<b>5.008.219</b>	<b>-</b>	<b>40.190.980.519</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	185.972.300	5.008.219	-	190.980.519
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	163.884.311	-	-	163.884.311
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b	22.087.989	5.008.219	-	27.096.208
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>40.541.335.520</b>	<b>536.262.748</b>	<b>(531.254.529)</b>	<b>40.546.343.739</b>



Lê Thị Lan  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Cao Văn Nhiên  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(Chi tiết theo từng bộ phận)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Văn phòng Công ty	Trung tâm du lịch Tictours	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	258.272.730	1.869.159	-	260.141.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	258.272.730	1.869.159	-	260.141.889
4. Giá vốn hàng bán	11	-	1.385.047	-	1.385.047
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	258.272.730	484.112	-	258.756.842
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.184.110.474	23.315.289	-	1.207.425.763
7. Chi phí tài chính	22	-	-	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	-	42.285.894	-	42.285.894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.364.997.748	16.619.755	-	1.381.617.503
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	77.385.456	(35.106.248)	-	42.279.208
11. Thu nhập khác	31	-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	-	18.000	-	18.000
13. Lợi nhuận khác	40	-	(18.000)	-	(18.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	77.385.456	(35.124.248)	-	42.261.208
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	77.385.456	(35.124.248)	-	42.261.208



Lê Thị Lan  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



Khánh Hòa, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Cao Văn Nhiên  
Giám đốc